TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Ngô Thị Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Tô Ngọc Liêm;

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Anh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 383/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thanh C, sinh năm 1985; địa chỉ: số nhà 23, đường Lê Minh N, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1978; địa chỉ: số 29, tổ 60B, khóm 1, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang; là Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Văn K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Minh N, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp An T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thanh C trình bày,* qua tìm hiểu, bà C và ông Đỗ Minh N chung sống với nhau vào tháng 12/2022, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau và không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2023 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông N; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Tờ tự khai của bà Trương Thanh C ngày 25/5/2023, 01 ảnh cưới màu.

- Bị đơn ông Đỗ Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Trương Thanh C, ông Đỗ Minh N, qua tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 03/12/2022 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn nên ly thân. Nay, bà C yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông N.

Xét thấy, bà C, ông N kết hôn năm 2022, đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định nhưng không thực hiện nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà C, ông N là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà C, ông N là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Thanh C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Minh N. Đồng thời, ông N cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà C, Luật sư K, ông N đều vắng mặt và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, Luật sư K, ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Trương Thanh C khai, sau thời gian tìm hiểu, bà C và ông N chung sống vào tháng 12/2022 nhưng không đăng ký kết hôn.

Tại công văn số 143/UBND-HT ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố X, tỉnh An Giang về việc phúc đáp việc xác minh "Thông tin đăng ký kết hôn" giữa bà C và ông N thì ông, bà không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố X.

Xét, bà C và ông N chung sống với nhau vào tháng 12/2022 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà C và ông N là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Bà C xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thanh C và ông Đỗ Minh N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà C xác định không có con chung nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trương Thanh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013697 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 30 tháng 5 năm 2023; bà Trương Thanh C đã nộp đủ án phí.

Ông Đỗ Minh N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Bà Trương Thanh C, ông Đỗ Minh N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- C cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm